

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1373/TTr-SNNMT ngày 11/02/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục 1 kèm theo).

**Điều 2.** Bãi bỏ các thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực môi trường (*thủ tục hành chính số 01, 02, 03, 04, 05, phần I*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực môi trường (*thủ tục hành chính số 02, phần A*) được công bố tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

*(có Phụ lục II kèm theo)*

**Điều 3.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường công khai nội dung thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định; thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo Quyết định này và Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
  - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
  - Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
  - Sở Khoa học và Công nghệ;
  - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Thông tin tỉnh;
  - Lưu: VT, HCC.
- Tungnt, QĐ/T02/2026

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</li> <li>+ Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ</li> </ul>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>môi trường;</p> <p>+ Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>+ Tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến.</p> <p>+ Thời hạn thẩm định quy định có thể được kéo dài</p>			<p>BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời điểm thông báo kết quả: Trong thời hạn thẩm định.</li> <li>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.</li> </ul>				
2	Thẩm định phương án cải	- Thời hạn kiểm	<b>Nơi tiếp nhận và</b>	Theo Nghị quyết số	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
	tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	<p>tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p><b>trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>17/11/2020;</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;</p> <p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	
3	Cấp giấy phép môi trường	<p>- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm</p>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết</b></p>	<p>Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 45);</p>	<p>Một cửa</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp</p>	<p><b>thủ tục hành chính:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 1);</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, Điều 29);</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (khoản 10, khoản 11 Điều 1);</li> <li>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (Điều 36);</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, Điều 19);</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (khoản 5, khoản 6 Điều 1);</li> <li>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và</li> </ul>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>			<p>Môi trường (Điều 9, Điều 10, Điều 12).</p> <p>- Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
4	Cấp phép điều chỉnh giấy môi trường	Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên	Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45);</li> <li>- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 1);</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, Điều 29, Điều 30);</li> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 1);</li> <li>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (Điều 36);</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, Điều 19);</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của</li> </ul>	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
					Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (khoản 5, khoản 6 Điều 1); - Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12). - Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.	
5	Cấp lại giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành	Theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 45); - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 (khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 1); - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (Điều 28, Điều 29, Điều 30); - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ</p>	<p>chính công các cấp trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên</p>		<p>Chính phủ (khoản 10, khoản 11, khoản 12 Điều 1);</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ (Điều 36);</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Điều 18, Điều 19);</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (khoản 5, khoản 6 Điều 1);</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12).</p> <p>- Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết
		<p>sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan cấp phép.</p>				

**PHỤ BIỂU PHÍ, LỆ PHÍ**  
**Phụ biểu I**

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định mức thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)			
		<100	>100 và <200	>200 và <500	>500
<b>I</b>	<b>Thẩm định lần đầu</b>				
1	Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Nhóm 5. Dự án giao thông	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6. Dự án công nghiệp	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	6,0	10,8	12,0	15,6
<b>II</b>	<b>Thẩm định lại:</b> Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường mức thu phí bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.				

Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

**Phụ biểu II****PHÍ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định mức thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Tổng vốn đầu tư dự án (Tỷ đồng)</b>	<b>≤100</b>	<b>&gt;100 đến ≤200</b>	<b>&gt;200</b>
1	Mức thu lần đầu ( <i>triệu đồng/dự án</i> )	11	13	16
2	Trường hợp thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, thẩm định lại bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu			

**Phụ biểu III**  
**PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định mức thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
<b>I</b>	<b>Cấp, cấp lại giấy phép môi trường bằng hình thức thẩm định</b>		
1	Đối với dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM và không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải lập báo cáo ĐTM (thuộc đối tượng thành lập hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế)	Triệu đồng/Dự án	10,2
2	Đối với dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường	Triệu đồng/Dự án	15,6
<b>II</b>	<b>Cấp, cấp lại giấy phép môi trường bằng hình thức kiểm tra</b>		
1	Đối với cơ sở, dự án đầu tư thuộc đối tượng thành lập đoàn kiểm tra và không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường	Triệu đồng/Dự án	13,6
2	Đối với cơ sở, dự án đầu tư thuộc đối tượng thành lập đoàn kiểm tra và thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường theo quy định tại điểm 7 khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP	Triệu đồng/Dự án	13,6
<b>III</b>	<b>Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình</b>	Triệu đồng/Dự án	0

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ LĨNH VỰC MÔI**  
**TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG**  
**NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố thủ tục hành chính</b>
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>	
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
2	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 24/04/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
3	Cấp giấy phép môi trường	Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
4	Cấp đổi giấy phép môi trường	
5	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	
6	Cấp lại giấy phép môi trường	